

Bản án số 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29.10.2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Đình Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Kim K - Sinh năm 1957; nơi cư trú: Số 5/45 đường H, khu phố 1, phường B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1957; nơi ĐKNKTT: Số 5/45 đường H, khu phố 1, phường B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 20 đường H, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh; tại Bản tự khai ngày 05 tháng 10 năm 2018; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Kim K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 1978; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi kết hôn, ông và bà T chung sống tại nhà riêng tại xã Duy Trinh. Năm 1999, tình cảm vợ chồng rạn nứt và do điều kiện kinh tế khó khăn phải nuôi 02 con học đại học nên ông chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống. Tại đây, ông chung sống với người phụ nữ khác từ năm 2000 đến năm 2004 thì người này chết. Đến năm 2005, ông đưa vợ con vào chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Được vài tháng thì vợ ông biết được sự việc nên không tha thứ, không chấp nhận chung sống với ông. Từ đó, ông và bà T sống ly thân, mỗi người một nơi, không có trách nhiệm lẫn nhau. Năm 2017, bà T về Đà Nẵng chăm giữ cháu ngoại và ở cho đến nay.

Nay, ông xác định vợ chồng không còn tình cảm; sự việc ban đầu là do ông sai, ông đã xin lỗi nhưng bà T không tha thứ nên ông không có cách nào khác; vợ chồng đã không chung sống với nhau trong thời gian dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông xác định ông và bà T có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy T - sinh năm 1980, Nguyễn Thị Tường V - sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Kim P - sinh năm 1996. Các con đã thành niên, có gia đình riêng nên ông không có ý kiến.

- Về quan hệ chia tài sản: Ông xác định ông và bà T tự thỏa thuận về tài sản, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Sau khi Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án, tiến hành xác minh tại địa phương nơi đăng ký nhân khẩu thường trú thể hiện bà Nguyễn Thị T đã chuyển về sống tại số 20 đường Hòa Minh 7, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Ngày 20 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà T không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia các phiên họp kiểm tra Vệc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bà T vắng mặt lần hai, không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 68; các điều từ 93 đến 97; các điều 195, 195 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về Vệc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về Vệc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của

ông K của bà T. Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là bà Nguyễn Thị T, nhưng tại phiên tòa bà T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Kim K và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào năm 1978 tại Ủy ban nhân dân xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa ông K và bà T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông K đối với bà T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có văn bản phản đối yêu cầu của ông K. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa ông K và bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T trình bày là do trong thời gian vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông đã chung sống với người phụ nữ khác từ năm 2000 đến năm 2004, năm 2005 bà T và các con vào chung sống cùng nên phát hiện sự Vệc và không tha thứ. Ông và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Bà T không thể hiện ý kiến có mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông K và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông K đối với bà T, xử cho ông K được ly hôn với bà T.

Về quan hệ nuôi con chung: Ông K xác định ông và bà T có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy T - sinh năm 1980, Nguyễn Thị Tường V - sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Kim P - sinh năm 1996. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quan hệ chia tài sản: Ông K xác định ông và bà T tự thỏa thuận về tài sản, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] PÁn phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông K phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Kim K đối với bà Nguyễn Thị T về Vệc “Tranh chấp ly hôn”.

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông K được ly hôn với bà T.

* Về quan hệ nuôi con chung: Ông K xác định ông và bà T có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy T - sinh năm 1980, Nguyễn Thị Tường V - sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Kim P - sinh năm 1996. Các con chung đã thành niên (*Đủ 18 tuổi*) nên tự quyết định.

* Về quan hệ chia tài sản: Ông K xác định ông và bà T tự thỏa thuận về tài sản, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Kim K phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001980 ngày 7 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. Quận Liên Chiểu;
- UBND. Xã D; huyện Duy Xuyên; tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

